

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
Năm báo cáo 2022 (thời điểm 31/12/2022)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần cấp nước Sơn La;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5500154649
- Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng;
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 100.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 55 - đường Tô Hiệu - TP Sơn La - Tỉnh Sơn La
- Số điện thoại: 1900636761; - Số fax: 02123.854.539
- Website: capnuocsonla.vn; - Email: sowasucom@gmail.com
- Mã cổ phiếu: NSL

Quá trình hình thành và phát triển

Lịch sử hình thành và phát triển: Công ty được thành lập năm 1963, nhà máy có công suất khoảng 1.200 m³/ngày, việc cải tạo hoàn tất vào cuối năm 1988 nhà máy được nâng công suất lên 2.400 m³/ngày

Đến cuối năm 1995, sau khi hoàn thành dây chuyền lắng lọc bổ sung và cải tạo trạm bơm cấp 2, nhà máy nước Bó Cá được nâng công suất lên lên 5.000 m³/ngày.

Đối với tình hình quản lý ngành nước trong tỉnh: Trước năm 1993, UBND các huyện đã thành lập và trực tiếp quản lý các tổ phục vụ cấp nước cho từng thị trấn, với quy mô hoạt động rất nhỏ và công nghệ lạc hậu. Khi triển khai Nghị định 388/HĐBT của Chính phủ, Công ty đã từng bước tiếp nhận các bộ phận cấp nước này, từng bước đầu tư cải tạo nâng cấp, nâng cao dần chất lượng cung cấp dịch vụ và tiến tới ổn định sản xuất kinh doanh. Đến nay, đã trực tiếp quản lý các Chi nhánh cấp nước của 11/12 thị trấn trong tỉnh và đang là một trong số các Công ty cấp nước trong toàn quốc thực hiện được nhiệm vụ khó khăn này.

Năm 1998 có thể coi là một bước ngoặt lớn trong cả chặng đường xây dựng và phát triển của ngành cấp nước đô thị tỉnh Sơn La, được đánh dấu bằng sự ổn định trong sản xuất kinh doanh và khởi đầu cho dự án Hiện đại hoá hệ thống cấp nước thị xã.

Công suất cấp nước: từ 12.000 tăng lên 40.000 m³/ngày, đủ khả năng phục vụ cho nhu cầu sử dụng của các đô thị trong tỉnh.

Địa bàn hoạt động: bao gồm các phường nội thị và tiểu khu ven thị xã cùng với 10 thị trấn, 04 thị tứ khác. Với quy mô từ 8.500 hộ dùng nước (1998) tăng lên trên 51.146 hộ (năm 2018), tương đương 230.000 dân (trong đó 95% dân cư đô thị được cấp nước sạch).

Sản lượng nước thương phẩm: Năm 2022 đạt sản lượng 10,8 triệu m³.

Tỷ lệ thất thoát nước: Trong khoảng 5 năm gần đây công ty đã cải tạo lại hệ thống mạng

lưới, tỷ lệ thất thoát nước hiện nay khoảng 10-12%.

Lao động, việc làm và thu nhập: do mở rộng địa bàn phục vụ và năng động trong kinh doanh, đã đảm bảo việc làm thường xuyên và thu nhập ổn định ở mức 10.000.000 đ/người/tháng cho 220 lao động.

Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La là một trong số các doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích, nay được từng bước chuyển sang hoạt động kinh doanh theo tinh thần Nghị quyết TW 3 từ 01/5/2005 công ty chính thức hoạt động với tên mới Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La, có nhiệm vụ chủ yếu là sản xuất và cung cấp nước sạch phục vụ nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của cán bộ và nhân dân trên địa bàn thị xã và các thị trấn huyện lỵ trong toàn tỉnh. Trong giai đoạn từ 1998 đến nay, được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo Đảng và chính quyền trong tỉnh, nhờ phát huy được sức mạnh của tập thể người lao động trong đơn vị, hoạt động của Công ty đã có nhiều chuyển biến tích cực, được các cơ quan quản lý cũng như đại đa số khách hàng sử dụng nước ghi nhận.

Khác với nhiều đồng nghiệp ở các địa phương, Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La chỉ thực hiện nhiệm vụ cấp nước cho các đô thị và cụm dân cư tập trung trong tỉnh (gồm cả các thị trấn huyện), nhiệm vụ thoát nước được tỉnh giao cho Công ty Môi trường Đô thị.

Thông tin chủ yếu về hoạt động của doanh nghiệp năm 2022 như sau:

Công suất thiết kế: 50.000 m³/ngày; Công suất khai thác: 33.400 m³/ngày

Số địa bàn quản lý: Thành phố Sơn La + 10 Thị trấn + 4 Thị tứ + 2 xã

Tổng số khách hàng: 59.211 đồng hồ các loại (tương đương 266.500 dân, chiếm 95% dân số đô thị của tỉnh)

Sản lượng nước ghi thu: 10,8 triệu m³; Doanh thu tiền nước: 120 tỷ đồng

Tỷ lệ thất thoát nước: 12.1 %.

Thu nhập bình quân : 10 triệu đồng/người/tháng

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh: Theo Giấy chứng nhận ĐKDN số 5500154649 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 18/04/2005, cấp thay đổi lần 7: ngày 07/01/2021; Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 16/03/2022 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sơn La cấp, ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty là:

ST T	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Thi công các công trình cấp nước đô thị và nông thôn;	4390
2	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600 (chính)
3	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề. Chi tiết: Tổ chức các khu vui chơi giải trí dưới nước;	9321
4	Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: tư vấn, thiết kế các công trình cấp nước;	7020
5	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
6	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
7	Xây dựng nhà để ở	4101
8	Xây dựng nhà không để ở	4102

ST T	Tên ngành	Mã ngành
9	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
10	Sản xuất, kinh doanh nước sạch; sản xuất kinh doanh nước tinh khiết đóng chai; kinh doanh vật tư xây lắp chuyên ngành cấp nước; kinh doanh cây cảnh và trang trí ngoại thất công trình.	Ngành, nghề chưa khớp mã với hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

- Địa bàn kinh doanh: Khu vực các đô thị và vùng ven đô thị tỉnh Sơn La

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị

Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty



Cơ cấu bộ máy quản lý

✦ Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ: Thông qua sửa đổi bổ sung điều lệ, thông qua kế hoạch phát triển của Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và của các kiểm toán viên. Quyết định số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị, các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

✦ Hội đồng quản trị

HĐQT Công ty gồm 07 thành viên do ĐHĐCĐ bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, bao gồm: Chủ tịch HĐQT và các Thành viên HĐQT.

HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Công ty có hai Đại diện theo Pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.

Danh sách thành viên HĐQT:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Ông Nguyễn Văn Hồng	Chủ tịch HĐQT Bổ nhiệm ngày 12/12/2020

STT	Họ và tên	Chức vụ
2.	Ông Bùi Văn Đính	Phó Chủ tịch HĐQT Bổ nhiệm ngày 12/12/2020
3.	Ông Nguyễn Văn Bá	Thành viên HĐQT Bổ nhiệm ngày 12/12/2020
4.	Ông Lương Thế Công	Thành viên HĐQT Bổ nhiệm ngày 12/12/2020
5.	Ông Nguyễn Trọng Hiếu	Thành viên HĐQT Bổ nhiệm ngày 12/12/2020
6.	Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên HĐQT Bổ nhiệm ngày 12/12/2020
7.	Ông Nguyễn Anh Việt	Thành viên HĐQT Bổ nhiệm ngày 12/12/2020

✦ Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát: là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị, điều hành của công ty, có chức năng nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

Danh sách thành viên BKS:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Bà Lê Thị Nha Trang	Trưởng ban
2.	Ông Bùi Hồng Nam	Thành viên BKS
3.	Ông Lê Anh Vũ	Thành viên BKS

✦ Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của công ty gồm có Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó Tổng Giám đốc thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc phân công hoặc uỷ quyền.

Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Ông Trần Quyết Chiến	Tổng Giám đốc
2.	Ông Nguyễn Văn Bá	Phó Tổng Giám đốc
3.	Ông Phạm Ngọc Dũng	Phó Tổng Giám đốc
4.	Ông Bùi Thanh Tùng	Kế toán trưởng

✦ Các phòng chức năng

Phòng kế hoạch kỹ thuật: Giúp Ban Tổng Giám đốc thực hiện công việc quản lý điều hành kế hoạch và kỹ thuật sản xuất và kinh doanh nước sinh hoạt, nước uống đóng bình, giúp Ban Tổng Giám đốc thực hiện công việc quản lý điều hành các dự án đầu tư xây lắp công trình.

Phòng quản lý chất lượng: Kiểm soát chất lượng nước sinh hoạt và nước tinh khiết tại thành phố, hướng dẫn, kiểm tra chất lượng nước sinh hoạt trên địa bàn các chi nhánh thuộc công ty. Tham mưu giúp việc trong công tác cấp nước an toàn. Chức năng thư ký ISO 9001:2015 & ISO 22000-2007.

Phòng Tài chính kế toán: Tham mưu giúp Tổng Giám đốc Công ty trong lĩnh vực quản lý các hoạt động Tài chính như: quản lý vốn và sử dụng vốn; quản lý tài sản, sử dụng tài sản; quản lý

doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh; quản lý sử dụng và phân phối lợi nhuận; lập, tổ chức thực hiện kế hoạch Tài chính, chế độ kế toán, thống kê và kiểm toán; và thực hiện nghĩa vụ thuế trong toàn Công ty với Nhà nước.

Phòng Quản lý khách hàng: Tham mưu giúp Ban Tổng Giám đốc trong chỉ đạo công tác chuyên môn liên quan đến lĩnh vực khách hàng sử dụng nước toàn công ty. Tham mưu giúp Giám đốc trong công tác chỉ đạo chuyên môn liên quan đến lĩnh vực quản lý và kiểm định đồng hồ đo nước.

Phòng Tổ chức hành chính: Tham mưu giúp Giám đốc trong chỉ đạo công tác chuyên môn liên quan đến lĩnh vực tổ chức - nhân sự của Công ty. Tham mưu giúp Giám đốc trong chỉ đạo công tác chuyên môn liên quan đến lĩnh vực hành chính của Văn phòng Công ty.

Ban Quản lý dự án đầu tư: Tham mưu cho Tổng giám đốc trong công tác đầu tư, xây dựng đúng quy trình, đảm bảo đúng quy định của pháp luật, tuân thủ quy chế, chính sách của Công ty trong từng giai đoạn. Thay mặt Công ty tổ chức quản lý điều hành các dự án mà HĐQT, Tổng giám đốc giao nhiệm vụ đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả.

✦ Các xí nghiệp

Xí nghiệp cấp nước thành phố số 1: Tổ chức sản xuất, cấp nước trên địa bàn được phân công từ sản xuất, quản lý mạng lưới, quản lý khách hàng và thu tiền nước sử dụng hàng tháng nộp về công ty theo quy chế khoán, quản lý và tổ chức các dịch vụ bơi lội.

Xí nghiệp cấp nước thành phố số 2: Tổ chức sản xuất, cấp nước trên địa bàn được phân công từ sản xuất, quản lý mạng lưới, quản lý khách hàng và thu tiền nước sử dụng hàng tháng nộp về công ty theo quy chế khoán.

Xí nghiệp cấp nước Mai Sơn: Tổ chức sản xuất, cấp nước trên địa bàn được phân công từ sản xuất, quản lý mạng lưới, quản lý khách hàng và thu tiền nước sử dụng hàng tháng nộp về công ty theo quy chế khoán.

✦ Các chi nhánh cấp nước tại thị trấn huyện

Các chi nhánh tại thị trấn huyện: Tổ chức sản xuất, cấp nước trên địa bàn được phân công từ sản xuất, quản lý mạng lưới, quản lý khách hàng và thu tiền nước sử dụng hàng tháng nộp về công ty theo quy chế khoán nội bộ.

✦ Các công ty con, công ty liên kết, Danh sách những công ty mẹ, công ty con và Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Cấp nước Sơn La có 01 công ty liên kết, thông tin về công ty liên kết như sau:

Tên công ty liên kết: Công ty Cổ phần VBIC Sơn La

Địa chỉ: 55 Tô Hiệu, Thành phố Sơn La, Tỉnh Sơn La

Vốn điều lệ đã góp tại Công ty Cổ phần VBIC Sơn La: 10.000.000.000 đồng, tỷ lệ: 28,57%

Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác, xử lý và cấp nước

4. Định hướng phát triển

Mục tiêu chính:

- Phát triển nhanh, bền vững, đáp ứng nhu cầu nước sạch phục vụ tốt nhu cầu dân sinh và yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh nhà.
- Sản xuất kinh doanh hiệu quả, đảm bảo hài hòa lợi ích cho người lao động và quyền lợi của các cổ đông.
- Phân đầu thực hiện các mục tiêu chương trình quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đó là:

- Định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050 (QĐ số 1929/QĐ-TTg ngày 20/11/2009 của Thủ tướng CP)
- Chương trình quốc gia chống thất thu thất thoát đến năm 2025 (QĐ số 2147/QĐ-TTg ngày 24/11/2010 của Thủ tướng CP)

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 5 NĂM 2021-2025							
Các chỉ tiêu sản xuất							
ST T	Chỉ tiêu	ĐVT	KH NĂM 2021	KH NĂM 2022	KH NĂM 2023	KH NĂM 2024	KH NĂM 2025
1.1	Sản lượng nước thương phẩm	m ³	10.647.000	10.754.000	10.861.000	10.968.000	11.077.000
1.2	Tỷ lệ thất thoát		10,00%	10,00%	10,00%	10,00%	10,00%
1.3	Khách hàng	ĐH	55.850	57.000	58.100	59.300	60.500
1.4	Điện tiêu hao (KWh/m ³ TP)		0,332	0,332	0,332	0,332	0,332
2	Doanh thu	đồng	124.003.000.000	125.192.000.000	126.381.000.000	127.570.000.000	128.782.000.000
2.1	Cấp nước	đồng	118.233.000.000	119.422.000.000	120.611.000.000	121.800.000.000	123.012.000.000
2.2	Lắp đặt nhỏ	"	2.500.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000
2.3	Dịch vụ bơi lội	"	450.000.000	450.000.000	450.000.000	450.000.000	450.000.000
-	Sản lượng	Vé	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000
-	Doanh thu	"	450.000.000	450.000.000	450.000.000	450.000.000	450.000.000
2.4	Nước lọc tinh khiết	đồng	1.320.000.000	1.320.000.000	1.320.000.000	1.320.000.000	1.320.000.000
	Sản lượng nước lọc	bình	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000

hoạch chỉ tiêu SXKD giai đoạn 2021 - 2025 phần đầu đạt như sau:

- Số hộ khách hàng mỗi năm tăng >2%.
- Sản lượng và doanh thu nước thương phẩm bình quân mỗi năm tăng >1,0%
- Kiểm soát thất thoát bền vững duy trì tỷ lệ <10%.
- Tỷ lệ dân nội thị được sử dụng nước sạch đến năm 2022 là 100%.
- Tỷ lệ dân ven nội thị được sử dụng nước sạch đến năm 2025 là 100%.
- Duy trì hoạt động SX nước uống tinh khiết và dịch vụ hồ bơi giữ được thị trường và ổn định doanh thu.

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 5 NĂM 2021-2025							
Các chỉ tiêu kinh doanh							
ST T	Chỉ tiêu	ĐVT	KH NĂM 2021	KH NĂM 2022	KH NĂM 2023	KH NĂM 2024	KH NĂM 2025
2	Doanh thu	đồng	124.003.000.000	125.192.000.000	126.381.000.000	127.570.000.000	128.782.000.000
3	Giá vốn	đồng	89.503.000.000	90.352.000.000	91.191.000.000	92.030.000.000	92.882.000.000
4	Lợi nhuận SXKD chính	đồng	34.500.000.000	34.840.000.000	35.190.000.000	35.540.000.000	35.900.000.000
7	Tổng lợi nhuận trước thuế	đồng	17.200.000.000	17.540.000.000	17.890.000.000	18.240.000.000	18.600.000.000
8	Lợi nhuận sau thuế		15.136.000.000	15.435.200.000	15.743.200.000	16.051.200.000	16.368.000.000
	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		1.514	1.544	1.574	1.605	1.637
	Cổ tức	đ	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000
	Tỷ lệ cổ tức / vốn điều lệ	%	12,00%	12,00%	12,00%	12,00%	12,00%
	Vốn điều lệ		100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000

Kế hoạch chỉ tiêu tài chính giai đoạn 2021 - 2025 phần đầu đạt như sau:

- Doanh thu mỗi năm tăng >1% (trên cơ sở tăng sản lượng từ số khách hàng tăng thêm khi đầu tư mở rộng địa bàn)
- Lợi nhuận mỗi năm tăng >2% .

- Trích lập các quỹ > 25% lợi nhuận sau thuế, cần ưu tiên quỹ đầu tư phát triển.
- Phân đầu tỷ lệ cổ tức từ 2021 trở đi là $\geq 12\%$.

- Khẩn trương đầu tư sớm các dự án phát triển nguồn, phát triển mạng mở rộng vùng phục vụ gắn với thực hiện chỉ tiêu cung cấp nước sạch cho 100% hộ dân nội thị và vùng ven. Cải tạo và phát triển mạng lưới cấp nước nhằm đảm bảo tiếp nhận nguồn nước mới và đáp ứng tốt cho nhu cầu dùng nước của mọi đối tượng cũng là giảm tình trạng khai thác nước ngầm và sử dụng nguồn nước khác.

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2021-2025

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Kinh phí khái toán	Ghi chú	Giai đoạn đầu tư
1	Dự án: Hệ thống cấp nước Chuông Dong (Trạm xử lý 20.000m ³ /ngày) Giai đoạn 1 Nhà máy 10.000m ³ /ngày và tuyến ống truyền tải; Giai đoạn 2 nâng công suất 20.000m ³ /ngày	Đồng	64.500.000.000	Bao gồm nhà máy 10.000m ³ /ngày; Tuyến ống truyền tải D450 và Quốc lộ 6 L=3.500m	2021
2	Dự án: Hệ thống cấp nước Văn Hồ (Công suất GD 1: 1.500m ³ /ngày đêm - GD2: 3.000m ³ /ngày đêm)	Đồng	44.300.000.000	Bao gồm cả chi phí mua lại hệ thống cấp nước cũ khoảng 5 tỷ đồng	2021
3	Dự án: Trụ sở văn phòng làm việc CNCN Thuận Châu	Đồng	2.500.000.000	Tiền độ phụ thuộc vào giao đất của UBND	2021
4	Dự án: Trụ sở văn phòng làm việc Công ty	Đồng	15.000.000.000		2021
5	Nâng cấp, cải tạo trạm xử lý nước Bệnh viện Mường La (Chi phí mua đất, chi phí phân xây dựng và chi phí thiết bị xử lý nước...)	Đồng	3.250.000.000	Diện tích đất mua thêm khoảng 110m ²	2021
6	Lắp đặt phát triển mở rộng hệ thống cấp nước vùng ven đô thị trên địa bàn thành phố và các huyện (Với tổng chiều dài tuyến ống là: L=55.000m)	Đồng	15.000.000.000	Đường kính ống bao gồm từ DN160mm - DN400mm	2021-2025
7	Lắp đặt tuyến ống truyền tải HDPE D450mm từ nhà máy Hồ bản Mông đi QL6-Ngã 3 Quyết Thắng (L=3.800m)	Đồng	18.050.000.000		2022
8	Nâng cấp, cải tạo trạm xử lý nước huyện Sốp Cộp (Hệ thống lọc áp lực...)	Đồng	1.350.000.000		2022
9	Nâng cấp, cải tạo trạm bơm cấp 1 Yên Châu	Đồng	450.000.000		2023
10	Cải tạo, lắp đặt tuyến ống truyền tải HDPE D225mm Sông Mã (L=1.500m)	Đồng	1.875.000.000		2024
11	Lắp đặt tuyến ống truyền tải HDPE D315mm từ Nhà máy nước Hồ bản Mông đi trường Đảng (L=3.400m)	Đồng	7.990.000.000		2025
12	Lắp đặt tuyến ống truyền tải HDPE D315mm từ nhà máy nước Hồ bản Mông đi đường Nguyễn Văn Linh (L=3.200m)	Đồng	7.520.000.000		2025
13	Nâng cấp, cải tạo trạm bơm Chiềng Ngần (Bể chứa nước sạch bằng BTCT 400m ³)	Đồng	1.000.000.000		2025
Tổng cộng:			182.785.000.000		

- Tiếp tục đầu tư ứng dụng công nghệ mới để cải tạo nâng cấp các khu xử lý nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm. Đầu tư xây dựng mới trụ sở làm việc cho văn phòng Công ty và Chi nhánh Thuận Châu

5. Giải pháp thực hiện:

a. Công tác tổ chức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.:

- Không ngừng cải tiến hoàn thiện và nâng cao trình độ tổ chức sản xuất, tổ chức lao động để nâng cao năng suất, tiết kiệm chi phí lao động, vật tư, chi phí quản lý từ đó có thể giảm chi phí và hạ giá thành.
- Phát triển nhân lực đi đôi với kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy. Tổ chức sắp xếp, bố trí lại lao động, sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực.
- Xây dựng và thực hiện chính sách cán bộ lãnh đạo linh hoạt và mềm dẻo, nâng cao chất lượng quản lý, làm tốt công tác quy hoạch cán bộ để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng lâu dài.
- Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực tại chỗ kết hợp tuyển chọn từ bên ngoài, coi trọng công tác đãi ngộ để thu hút và giữ chân những lao động chất lượng cao.

b. Công tác phát triển khách hàng và nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước:

- Tiếp tục cải tiến hệ thống quản lý, vận hành và tái cấu trúc hợp lý hóa mạng lưới cấp nước. Nâng cao chất lượng sản phẩm, cải thiện lưu lượng, áp lực nước, kéo dài thời gian cấp nước liên tục (Phân đầu mục tiêu cấp nước 24h/ngày).
- Tăng cường công tác quản lý khách hàng, kiểm soát, phân loại chi tiết từng đối tượng để tìm ra nguyên nhân giảm sản lượng cũng như đưa ra các giải pháp xử lý phù hợp.

- Ứng dụng công nghệ thông tin và đào tạo trang bị kiến thức và kỹ năng chăm sóc khách hàng cho cán bộ công nhân để cải thiện nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.
- Xây dựng được quy trình chăm sóc khách hàng và chính sách ưu đãi khuyến khích các khách hàng lớn. Tích cực tìm kiếm để tiếp cận khai thác các khách hàng tiềm năng.

c. Công tác quản lý chất lượng nước và cấp nước an toàn:

- Xây dựng hoàn chỉnh kế hoạch cấp nước an toàn trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Chủ động sẵn sàng ứng phó với biến đổi khí hậu, ô nhiễm nguồn nước. Đảm bảo cấp nước an toàn, thực hiện nghiêm túc các giải pháp kiểm soát, phòng ngừa, khắc phục rủi ro đã đề ra.
- Đề nghị UBND tỉnh giao nhiệm vụ cho các ngành và địa phương tập trung giải quyết các vấn đề: Quy hoạch cấm mốc hành lang bảo vệ các nguồn nước sinh hoạt để bảo vệ an toàn nguồn cấp nước. Triển khai hoàn thiện khoanh định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất.

d. Các giải pháp để tăng sản lượng nước:

- Tăng cường công tác quản lý khách hàng, kiểm soát, phân loại chi tiết từng đối tượng để tìm ra nguyên nhân giảm sản lượng cũng như đưa ra các giải pháp xử lý phù hợp.
- Phát triển khách hàng, mở rộng địa bàn cấp nước ra các vùng ven đô thị.
- Đề nghị tỉnh sớm giao nhiệm vụ để các cơ quan quản lý và chính quyền địa phương triển khai thực hiện Nghị định 167/2018/NĐ-CP của CP về Quy định Hạn chế khai thác nước dưới đất nhằm hạn chế tiến tới chấm dứt khoan giếng.
- Cân nhắc phương án thỏa thuận giá nước sạch theo cơ chế linh hoạt với các khách hàng lớn mua nước sạch theo nguyên tắc giá nước giảm tương ứng với lượng nước sử dụng tăng.

e. Công tác lao động và tiền lương

- Làm tốt công tác quản lý và sử dụng lao động trong toàn công ty, duy trì từ việc thực hiện các nội quy, quy định của công ty đến việc thực hiện các chế độ chính sách của nhà nước quy định như Luật lao động, chế độ tiền lương, thưởng, các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế...
- Rà soát lại các định mức lao động, đơn giá khoán, áp dụng phù hợp với từng thời điểm và điều kiện sản xuất của từng đơn vị để đảm bảo bình đẳng và khuyến khích được người lao động gắn bó với công ty và nâng cao hiệu quả làm việc.
- Cải tiến quy chế tiền lương động viên khuyến khích được những cán bộ, công nhân viên có trình độ chuyên môn cao, có khả năng đảm nhận và giải quyết những công việc quan trọng và đòi hỏi sự phức tạp khi thực hiện.
- Thường xuyên chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động. Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, tạo môi trường làm việc tốt, động viên khuyến khích CBCNV phát huy năng lực bản thân hoàn thành tốt công việc được giao, đóng góp vào sự phát triển chung của Công ty.

f. Công tác tài chính:

- Tăng cường sự chỉ đạo, quản lý và hướng dẫn nghiệp vụ để các đơn vị thực hiện đúng pháp luật nhà nước và quy định của Công ty.
- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ.
- Tăng cường công tác quản lý kiểm tra, giám sát tài chính đối với việc sử dụng các loại chi phí và giá thành sản phẩm của doanh nghiệp.
- Cải tiến nâng cao chất lượng của công tác kế toán quản trị nhằm đáp ứng các mục tiêu:
- Cung cấp các thông tin cần thiết để giúp lãnh đạo công ty điều hành hoạt động SX và có các quyết định kinh doanh hợp lý.

- Xây dựng được các khoản dự toán ngân sách cho các mục tiêu hoạt động.
- Huy động và sử dụng các nguồn vốn sao cho hợp lý, không cho phép mất cân đối tài chính.

6. Các rủi ro

a. Rủi ro về kinh tế.

- Giá nước bán cho khách hàng do Nhà nước quy định, có thể không điều chỉnh kịp thời khi có biến động về chi phí đầu vào.
- Cùng với sự phát triển chung của nền kinh tế thì vấn đề nước sạch ngày càng trở nên cần thiết và cấp bách. Chính phủ Việt Nam đã ban hành rất nhiều văn bản, chính sách nhằm phát triển ngành.
- Trong xu hướng hội nhập thì vấn đề về nước sạch ngày càng trở nên thiết yếu và quan trọng đối với mỗi người dân Việt Nam.
- Do vậy có thể nói hoạt động của Công ty cổ phần cấp nước Sơn La trong thời gian tới không gặp trở ngại đáng kể từ nền kinh tế.

b. Rủi ro về luật pháp.

- Rủi ro về chính sách vĩ mô của Nhà nước thay đổi dẫn tới định hướng phát triển mở rộng của Công ty có thể gặp một số khó khăn.
- Hệ thống pháp luật kinh doanh nói chung còn thiếu đồng bộ, cơ sở pháp lý cho các hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nước sạch.

c. Rủi ro đặc thù.

- Rủi do về cạn kiệt nguồn nước: Là tỉnh miền núi, nguồn nước địa bàn khan hiếm về mùa khô, trong một vài thời điểm nguồn nước không đủ cung cấp.
- Rủi do về ô nhiễm nguồn nước: Các nguy cơ ô nhiễm do các cơ sở sơ chế cà phê của thành phố 1; Khai thác tài nguyên gây nhiễm đục nguồn nước, lạm dụng sử dụng thuốc bảo vệ thực vật.
- Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh nước sạch nên phụ thuộc rất nhiều vào ý thức của người dân.

d. Rủi ro khác.

- Các rủi ro khác nằm ngoài dự đoán và vượt quá khả năng phòng chống của con người như thiên tai lũ lụt, hỏa hoạn, dịch họa,... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty cổ phần cấp nước Sơn La

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu			Năm 2022	Năm 2021
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	125,847,368,121	125,310,469,591
Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		125,847,368,121	125,310,469,591
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	86,564,541,253	91,289,498,448
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		39,282,826,868	34,020,971,143
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1,740,564,848	2,428,297,062
Chi phí tài chính	22	VI.3	160,384,392	259,133,674

Trong đó: chi phí lãi vay	23		160,384,392	215,563,646
Chi phí bán hàng	25			
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	19,369,668,659	17,312,779,139
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		21,593,338,665	18,877,355,392
Thu nhập khác	31	VI.5	446,177,202	639,273,122
Chi phí khác	32		1,181	627,770,102
Lợi nhuận khác	40		446,176,021	11,503,020
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21,939,514,686	18,888,858,412
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	2,259,672,623	2,009,229,990
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		19,679,842,063	16,879,628,422
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	1,968	1,658
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	1,968	1,658

+Doanh thu so với năm 2021 thì :

Tổng doanh thu đạt 128,034 tỷ, đạt 99,14 % kế hoạch và đạt 99,73% so với năm 2021. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt: 125,847 tỷ, trong đó:

- + Doanh thu cấp nước là 120,5 tỷ, chiếm 95,8 %
- + Doanh thu lắp đặt nhỏ là 2,015 tỷ, chiếm 1,6 %
- + Doanh thu dịch vụ bơi lội là 0,4 tỷ, chiếm 0,3 %
- + Doanh thu SX nước lọc là 1,628 tỷ, chiếm 1,3 %
- + Doanh thu khác chiếm 1,2 tỷ, chiếm 1 %

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Hồng	Chủ tịch HĐQT
2	Bùi Văn Đỉnh	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Nguyễn Văn Bá	Thành viên
4	Lương Thế Công	Thành viên
5	Nguyễn Trọng Hiếu	Thành viên
6	Lê Văn Tuấn	Thành viên
7.	Nguyễn Anh Việt	Thành viên

1.1.1. Ông NGUYỄN VĂN HỒNG

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 08/1/1967
- Nơi sinh: Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An

- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 50, ngõ 105, tổ 45, đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội
- CMND số: 011751556 Nơi cấp: CA Hà Nội Ngày cấp: 2/11/2006
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản lý doanh nghiệp
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - + Giám đốc Công ty cổ phần MILLS Việt Nam
 - + Tổng giám đốc Công ty đầu tư và kinh doanh nước sạch Việt Nam (VBIC)
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 04/1990 - 12/2014	Tổng công ty đầu tư nước và môi trường Việt Nam	Giám đốc trung tâm/Chi nhánh kinh doanh vật tư chuyên ngành cấp thoát nước
01/2015 - nay	Công ty CP Mills Việt Nam	Giám đốc Công ty
8/2015 - 12/2020	Công ty cổ phần cấp nước Sơn La	Thành viên HĐQT
12/2020 - nay	Công ty cổ phần cấp nước Sơn La	Chủ tịch HĐQT
11/2018 - nay	Công ty đầu tư và kinh doanh nước sạch Việt Nam	Tổng giám đốc
Hiện nay	Công ty cổ phần SVBIC	Chủ tịch HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng:
 - + Sở hữu cá nhân: không
 - + Sở hữu của người có liên quan: không
 - + Sở hữu đại diện: Công ty CP đầu tư và kinh doanh nước sạch Việt Nam: 6.566.823 cổ phiếu (tỷ lệ sở hữu: 65,67% vốn điều lệ Công ty)
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: Công ty cổ phần MILLS Việt Nam là đơn vị bán Keo tụ PAC xử lý nước cho Công ty cổ phần cấp nước Sơn La.

2.1.2. Ông BÙI VĂN ĐÌNH

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 08/3/1958
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Phường Chiềng Lè, TP Sơn La, Tỉnh Sơn La
- CMND số: 050319911 Nơi cấp: Công an tỉnh Sơn La Ngày cấp: 9/6/2008
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Phó Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư và kinh doanh

nước sạch Việt Nam

Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
9/1982 – 5/1988	Ủy ban XDCB tỉnh Sơn La	Nhân viên
6/1988 – 3/1989	Sở xây dựng Sơn La	Nhân viên
4/1989 – 3/1990	Công ty XD I Sơn La	Phó phòng KHKT
4/1990 – 7/1993	Công ty XD I Sơn La	Trưởng phòng KHKT
8/1993 – 4/2005	Công ty cấp nước Sơn La	Phó giám đốc
5/2005 – 6/2012	Công ty CP cấp nước Sơn La	Giám đốc
7/2012 – 11/2015	Công ty CP cấp nước Sơn La	Chủ tịch HĐQT
12/2015 – 12/2020	Công ty CP cấp nước Sơn La	Tổng giám đốc
12/2020 – nay	Công ty CP cấp nước Sơn La	Phó chủ tịch HĐQT
12/2020 - nay	Công ty đầu tư và kinh doanh nước sạch Việt Nam	Chủ tịch HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng:
 - + Sở hữu cá nhân: 17.295 cổ phiếu (tỷ lệ sở hữu: 0,17% vốn điều lệ Công ty)
 - + Sở hữu đại diện: không
 - + Sở hữu của người có liên quan: không
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: Không.

2.1.3. Ông NGUYỄN TRỌNG HIẾU

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 01/12/1973
- Nơi sinh: Thanh Oai - Hà Tây
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: SN 11, Ngõ 44, Phố Đại La, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- CMND số: 011896161 - Nơi cấp: CATP Hà Nội Ngày cấp: 3/7/2006
- Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ quản trị kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Thành viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - + Công ty Cổ phần Hawaco: Tổng Giám đốc
 - + Công ty cổ phần DNP Hawaco: Chủ tịch HĐQT
 - + Hội Cấp thoát nước Việt Nam: Phó Chủ tịch
 - + Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng: Chủ tịch HĐQT
 - + Công ty đầu tư và kinh doanh nước sạch Việt Nam: Thành viên HĐQT

- Công ty đầu tư KD nước sạch Việt Nam: Thành viên HĐQT
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1998 – 2001	Phòng Kinh doanh Xuất nhập khẩu - Tổng Công ty Đầu tư nước và Môi trường Việt Nam Viwaseen – Bộ Xây dựng	Chuyên viên
2001 – đến nay	Công ty Cổ phần Hawaco	Tổng Giám đốc
2018- đến nay	Công ty cổ phần DNP Hawaco	Chủ tịch HĐQT
2010 – đến nay	Hội Cấp thoát nước Việt Nam	Phó Chủ tịch
12/2017 – đến nay	Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng	Chủ tịch HĐQT
12/2018– đến nay	Công ty đầu tư và kinh doanh nước sạch Việt Nam	Thành viên HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: Công ty cổ phần Hawaco là đơn vị bán Đồng hồ đo nước cho Công ty cổ phần cấp nước Sơn La.
+ Công ty cổ phần Cơ điện Hawaco là đơn vị bán máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất nước sạch cho Công ty cổ phần cấp nước Sơn La.

2.1.4. Ông LƯƠNG THẾ CÔNG

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 13/8/1964
- Nơi sinh: Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 6, phường Quyết Thắng, TP Sơn La, tỉnh Sơn La
- CMND số: 050228311 Nơi cấp: Công an tỉnh Sơn La Ngày cấp: 28/6/2007
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy Xây dựng
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Tổng giám đốc Công ty cổ phần VBIC Sơn La (SVBIC)
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
11/1989-11/1990	Xí nghiệp điện nước Mai Sơn	Tổ trưởng xây lắp;
12/1990-04/1993	Xí nghiệp công nghiệp nước Mai Sơn	Cán bộ kỹ thuật;
05/1993-02/1997	Phòng kế hoạch kỹ thuật; Công ty Cấp nước Sơn La	Cán bộ
03/1997-09/1997	Công ty Cấp nước Sơn La	Đội phó đội xây lắp

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
10/1997-06/1998	Công ty Cấp nước Sơn La	Đội trưởng đội xây lắp
07/1998-03/1999	Công ty Cấp nước Sơn La	Phó phòng kế hoạch
04/1999-02/2000	Xí nghiệp cấp nước Thị xã Sơn La	Phó giám đốc
03/2000-06/2001	Ban chủ nhiệm dự án hiện đại hóa HTCN Thị xã Sơn La	Thành viên
07/2001-11/2003	Phòng kế hoạch kỹ thuật Công ty Cấp nước Sơn La	Trưởng phòng
12/2003-9/2004	Ban quản lý các dự án cấp nước Công ty Cấp nước Sơn La	Trưởng ban
Từ 01/9/2004-5/2005	Công ty Cấp nước Sơn La.	Phó giám đốc
Từ 5/2005-04/2020	Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La.	Phó giám đốc
Từ 2015 – 12/2020	Công ty cổ phần cấp nước Sơn La	Phó Chủ tịch HĐQT
Từ 12/12/2020 – nay	Công ty cổ phần cấp nước Sơn La	Thành viên HĐQT
04/2020 – nay	Công ty cổ phần SVBIC	Tổng Giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật:
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - + Sở hữu cá nhân: 17.295 cổ phiếu (tỷ lệ sở hữu: 0,17% vốn điều lệ Công ty)
 - + Sở hữu đại diện: 999.999 cổ phần (Đại diện phần vốn góp của UBND tỉnh Sơn La tại CTCP Cấp nước Sơn La), tương đương 10% số cổ phần đang lưu hành của Công ty.
 - + Sở hữu của người có liên quan: Lương Phương Thảo sở hữu 73.885 cổ phiếu (tỷ lệ sở hữu: 0,7% vốn điều lệ Công ty) (Mối quan hệ: là con ruột)
 - + Lương Tử Vinh sở hữu 22 cổ phiếu (tỷ lệ sở hữu: 0,0002% vốn điều lệ Công ty) (Mối quan hệ: là em ruột)
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: Công ty cổ phần SVBIC bán nước qua đồng hồ tổng cho Công ty cổ phần cấp nước Sơn La.

2.1.5. Ông NGUYỄN VĂN BÁ

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 4/11/1963
- Nơi sinh: Cẩm Yên, Thạch Thất, Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tiểu khu 4, Thị trấn Mộc Châu, tỉnh Sơn La
- CMND số: 050367435 Nơi cấp: Công an tỉnh Sơn La Ngày cấp: 10/8/2015
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cấp thoát nước

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Thành viên HĐQT – Phó tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1983 -1986 đi bộ đội	Trường hạ sỹ quan quân đoàn 3	Thiếu úy
1986- 1988	Công ty XD Mộc Châu	Công nhân
1988 -1993	Xí Nghiệp Cơ khí điện, nước MC	Công nhân
1993 -2005	Chi nhánh cấp nước Mộc Châu	Phó chi nhánh
2005 - 2015	Chi nhánh cấp nước MC	Giám đốc chi nhánh
2015 – đến nay	Công ty CPCN Sơn la	Phó Tổng Giám đốc
12/2020 – nay	Công ty CPCN Sơn la	Thành viên HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật:
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng:
 - + Sở hữu cá nhân: 17.891 cổ phiếu (tỷ lệ sở hữu: 0,17% vốn điều lệ Công ty)
 - + Sở hữu đại diện: 999.999 cổ phần (Đại diện phần vốn góp của nhà nước tại CTCP Cấp nước Sơn La), tương đương 10% số cổ phần đang lưu hành của Công ty.
 - + Sở hữu của người có liên quan:
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm. Nhận lương, kinh phí hỗ trợ làm việc của Phó Tổng giám đốc.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: không

2.1.6. Ông NGUYỄN ANH VIỆT

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 23/04/1960
- Nơi sinh: Nam Sơn, Đô Lương, Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: BT10 số 262 Nguyễn Huy Tường, Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội
- CMND số: 040060000338 Nơi cấp: CA Hà Nội Ngày cấp: 17/03/2017
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần nước sạch Hòa Bình
 - + Thành viên HĐQT Công ty cổ phần nước sạch Hưng Yên
- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng: không
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: không

2.1.7. Ông LÊ VĂN TUẤN

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 03/10/1972

- Nơi sinh: Thanh Hóa
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 19 Vĩnh Hưng – Hoàng Mai – Hà Nội
- CMND số:038072000008 Nơi cấp: CA Hà Nội Ngày cấp: 12/04/2013
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cấp thoát nước; Thạc sỹ Quản lý môi trường
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Tổng giám đốc công ty cổ phần nước và môi trường Việt Nam; Thành viên HĐQT Công ty cổ phần nước sạch Hòa Bình.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1994 – 1996	Công ty xây dựng và cấp thoát nước Waseenco	Cán bộ
1996 – 2006	Xí nghiệp tư vấn môi trường – Công ty Nước và môi trường Việt Nam	Phó Giám đốc XN
2004 – 2005	Công ty TNHH cấp nước Yên Lập (Cty VIWASE và Cty thi công cấp nước Quảng Ninh góp vốn đầu tư)	Hội đồng thành viên
2006 – 2008	Công ty cổ phần Nước, Môi trường và Hạ tầng kỹ thuật Sài Gòn	Giám đốc
2008 – 2010	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển An Việt	Giám đốc
2009 – nay	Công ty cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc; Tổng Giám đốc
2020 – nay	Công ty cổ phần cấp nước Sơn La	Thành viên HĐQT
	Công ty cổ phần nước sạch Hòa Bình	Thành viên HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng: không
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: không

2.2. Ban Tổng giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Trần Quyết Chiến	Tổng giám đốc
2	Nguyễn Văn Bá	Phó Tổng giám đốc
3	Phạm Ngọc Dũng	Phó Tổng giám đốc

Ông Nguyễn Văn Bá, Phó Tổng giám đốc, là thành viên Hội đồng quản trị, đã liệt kê tại mục Hội đồng quản trị.

2.2.1. Ông TRẦN QUYẾT CHIẾN

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 28/8/1973
- Nơi sinh: Ứng Hòa, Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: : Tổ 6, P Chiềng Lè, TP Sơn La, tỉnh Sơn La

- CMND số: 050311705 Nơi cấp: Công an tỉnh Sơn La Ngày cấp: 17/6/2015
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
19/12/1990- 12/1994	Công ty SX và kinh doanh vật liệu XD số 1 Sơn La	Nhân viên
12/1994- 8/1996	Công ty xí măng Sơn La	Kế toán viên
8/1996- 1/1997	Công ty SX và kinh doanh vật liệu XD số 1 Sơn La	Kế toán viên
1/1997- nay	Công ty cổ phần cấp nước Sơn La	- Nhân viên kế toán - Phó phòng kế toán - Trưởng ban kiểm soát - Phó Tổng giám đốc Kiêm Kế toán trưởng. - Tổng giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 12/12/2020)

- Hành vi vi phạm pháp luật:
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng:
 - + Sở hữu cá nhân: 18.181 cổ phiếu (tỷ lệ sở hữu: 0,18% vốn điều lệ Công ty)
 - + Sở hữu đại diện: Không
 - + Sở hữu của người có liên quan: Cao Thị Oanh sở hữu 3.220 cổ phiếu (tỷ lệ sở hữu: 0,03% vốn điều lệ Công ty) (Mối quan hệ: là vợ)
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận lương, kinh phí hỗ trợ làm việc của Tổng giám đốc.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: Không

2.2.2. Ông PHẠM NGỌC DŨNG

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 11/9/1981
- Nơi sinh : Thành phố Sơn La- tỉnh Sơn La
- Quốc tịch : Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Phường Chiềng Lè - Thành phố Sơn La – Tỉnh Sơn La
- Chứng minh thư nhân dân số: 050391652 Nơi cấp: Công an Sơn La; Ngày cấp: 07/11/2016
- Điện thoại liên hệ: Cơ quan: 02123854837 (814) Di động: 0912548181
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cấp thoát nước
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không.
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 8/2005 - 9/2010	Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Sơn La	Nhân viên
Từ 10/2010-02/2012	Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng-Sở Xây dựng Sơn La	Nhân viên
Từ 3/2012-02/2014	Công ty cổ phần cấp nước Sơn La	Phó phòng KHKT
3/2014 – 5/2015	Công ty cổ phần cấp nước Sơn La	Trưởng phòng chống thất thoát
6/2015-01/2016	Công ty cổ phần cấp nước Sơn La	Trưởng phòng KHKT
02/2016-6/2017	Công ty cổ phần SVBIC Sơn La	Giám đốc ban QL dự án hệ thống cấp nước hồ bản Mòng
7/2017-7/2018	Công ty cổ phần cấp nước Sơn La	Giám đốc Xi nghiệp cấp nước TP số 1
8/2018 đến nay	Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La	Phó Tổng Giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - + Sở hữu cá nhân: 7.327 cổ phần, tương đương 0,07% số cổ phần đang lưu hành của Công ty.
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không.
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Nhận lương, kinh phí hỗ trợ làm việc của Phó Tổng giám đốc.
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

2.3. Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Lê Thị Nha Trang	Trưởng ban
2	Bùi Hồng Nam	Thành viên
3	Lê Anh Vũ	Thành viên

2.3.1. Bà Lê Thị Nha Trang

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 20/12/1981
- Nơi sinh: Nghĩa Đàn, Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: P714 CT36 , Số 326 Lê Trọng Tấn , Phường Khương Mai, Q. Thanh Xuân, HÀ NỘI
- CMND số: 040181000942 tại Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Trưởng Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: Không

2.3.2. Ông Bùi Hồng Nam

- Giới tính: : Nam
- Ngày sinh: 09/10/1975
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 3, P Tô Hiệu , TP Sơn La , Tỉnh Sơn La
- CMND số: 050345933 Nơi cấp: Công an Sơn La Ngày cấp: 26/10/2015
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản lý kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng phòng TCDN Sở tài chính Sơn La
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
3/1995 – 10/2001	Công ty Du lịch khách sạn Sơn La	Nhân viên
11/2001- 4/2008	Phòng kế hoạch Công ty sách thiết bị trường học tỉnh Sơn La	Nhân viên
5/2008- 01/2013	Phòng Tài chính doanh nghiệp Sở Tài chính tỉnh Sơn La	Chuyên viên
01/2013- 02/2015	Sở Tài chính tỉnh Sơn La	Phó Phòng Tài chính doanh nghiệp
01/2015- 02/2016	Sở Tài chính tỉnh Sơn La	Phụ Trách Phòng Tài chính doanh nghiệp
01/2015- nay	Sở Tài chính tỉnh Sơn La	Bí Thư Chi bộ III- thuộc Đảng ủy Sở Tài chính
04/2015 - nay	Sở Tài chính tỉnh Sơn La	Đảng ủy viên – Đảng ủy Sở Tài chính
01/206 - nay	Công ty cổ phần cấp nước Sơn La	Thành viên BKS
02/2016 – nay	Sở Tài chính tỉnh Sơn La	Trưởng phòng Tài chính doanh nghiệp

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: Không

2.3.3. Ông Lê Anh Vũ

- Giới tính: : Nam
- Ngày sinh: 19/10/1988
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 11, P. Quyết Tâm, TP Sơn La , Tỉnh Sơn La
- CMND số: 050556956 Nơi cấp: Công an Sơn La Ngày cấp: 22/6/2012
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Thành viên Ban kiểm soát, Phó Phòng Tổ chức – Hành chính
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức: Không
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
11/2012 - 04/2014	Phòng Tài chính Kế toán – Công ty cổ phần cấp nước Sơn La	Nhân viên
04/2014 - 04/2015	Phòng Quản lý Chất lượng – Công ty cổ phần cấp nước Sơn La	Nhân viên
04/2015 - 11/2019	Phòng Kiểm toán nội bộ - Công ty cổ phần cấp nước Sơn La	Nhân viên, Phó Phòng
12/2019 - 02/2022	Phòng Tài chính Kế toán – Công ty cổ phần cấp nước Sơn La	Phó phòng
03/2022 nay	Phòng Tổ chức Hành chính – Công ty cổ phần cấp nước Sơn La	Phó Phòng, Thành viên Ban kiểm soát

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng:
 - + Sở hữu cá nhân: 16 cổ phần, tương đương 0,00016% số cổ phần đang lưu hành của Công ty.
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận lương Phó phòng Tổ chức hành chính, thù lao Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: Không

2.4. Kế toán trưởng: Ông BÙI THANH TÙNG

- Giới tính: : Nam
- Ngày sinh: 01/02/1993
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 353 Chu Văn Thịnh, Phường Chiềng Lè, Thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
- CMND số: 050754336 Nơi cấp: Công an Sơn La Ngày cấp: 09/06/2008
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Kế toán trưởng
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2017– nay	Công ty cổ phần cấp nước Sơn La	- Nhân viên XNCN thành phố số 2 - Nhân viên Phòng Tài chính kế toán - Phó trưởng phòng TCKT - Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 12/12/2020)

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng:
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: Nhận lương Kế toán trưởng.

2.5. Những thay đổi trong năm 2022:

- Ngày 05/03/2022, ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 đã ra Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ trong đó, miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát đối với ông Kim Ngọc Nhiệm và bầu bổ sung ông Lê Anh Vũ làm thành viên Ban Kiểm soát.

-Phiên họp của BKS đã thống nhất bầu bà Lê Thị Nha Trang giữ chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025.

2.6. Thống kê nhân sự

STT	Cơ cấu lao động	Số lượng lao động đến ngày 31/12/2022
1	Trình độ đại học và trên đại học	50
2	Trình độ cao đẳng, trung cấp	61
3	Công nhân kỹ thuật	93
4	Lao động phổ thông	15
	TỔNG	219

✦ Chính sách đối với người lao động

- Về tiền lương.

Thực hiện trả lương, trả thưởng theo mức độ hoàn thành, mức độ phức tạp của công việc và theo khoán sản phẩm. Mức lương trung bình của Công ty năm 2021 là 10 triệu đồng/người/tháng.

- Về công tác đào tạo:

Chú trọng đào tạo, đào tạo lại cán bộ quản lý, nghiệp vụ, phương châm đào tạo tại chỗ, khuyến khích người lao động tự trau dồi kiến thức để phù hợp với nhu cầu tại Công ty Cổ phần sau cổ phần hóa nhằm sử dụng hợp lý đội ngũ cán bộ công nhân viên sẵn có cũng như theo yêu cầu của sản xuất kinh doanh và đáp ứng yêu cầu thực tế của xã hội

- Về chính sách khen thưởng:

Công tác đời sống đối với CBCNV: Thực hiện đóng BHXH, BHTN, mua BHYT, BHTN cho người lao động theo chế độ, chính sách Nhà nước. Thực hiện vệ sinh, an toàn lao động, trang bị BHLĐ cho người lao động. Thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ khác với người lao động theo quy định của Nhà nước.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Tình hình đầu tư

T	Diễn giải	ĐV	Thực hiện 2021	Thực hiện 2022	Tăng/giảm
3.1	Trả nợ vay các dự án	đồng	8,150,470,288	8,138,263,349	-0.15%
	Dự án cấp nước Sốp Cộp	"	456,802,747	456,802,747	0.00%
	Dự án cấp nước Yên Châu	"	397,944,382	397,944,382	0.00%
	Dự án cấp nước Mộc Châu	"	1,218,884,400	1,218,884,400	0.00%
	Trả nợ dự án ODA Pháp ở TP	"	6,076,838,759	6,064,631,820	-0.20%
3.2	Đầu tư TSCĐ	đồng	18,668,587,450	4,494,659,046	-75.92%
	Đầu tư Nhà cửa, vật kiến trúc	"	3,015,408,887	1,906,002,217	-36.79%
	Đầu tư máy móc thiết bị	"	9,186,339,479	976,544,193	-89.37%
	Đầu tư phương tiện vận tải truyền dẫn	"	6,419,962,384	1,612,112,636	-74.89%
	Đầu tư thiết bị, dụng cụ quản lý	"	46,876,700	-	-100.00%

Sử dụng vốn: Năm 2022 nguồn vốn tái đầu tư được sử dụng vào các nội dung sau: Trả nợ vay các dự án 8,13 tỷ (ODA Thành phố, Mộc châu, Yên châu và Sốp Cộp); Đầu tư mua sắm tài sản mới gần 4,5 tỷ đồng. Trong đó:

Đầu tư mua máy móc thiết bị gần 1 tỷ đồng, đầu tư cho Phương tiện vận tải truyền dẫn 1,6 tỷ đồng. Đầu tư cho nhà cửa vật kiến trúc gần 2 tỷ đồng.

Tình hình triển khai các dự án năm 2022:

- Trong năm 2022 Công ty đã đầu tư và sửa chữa các công trình các tuyến ống truyền tải nước sạch ra vùng ven đô thị; Tuyến ống cấp nước D400 chuẩn bị tiếp nhận nước sạch từ nhà máy Nậm La. Phát triển tuyến ống cấp nước vào khu vực Mường Và huyện Sốp Cộp, nâng cao chất lượng nước: Tổng kinh phí thực hiện khoảng 22 tỷ đồng

- Dự án cấp nước Chiềng Dong: Đang triển khai giải phóng mặt bằng tiến độ chậm hơn dự kiến, đồng thời hợp đồng tư vấn thực hiện thiết kế.

- Dự án Tuyến ống nước thô thay thế nguồn nước Suối Sập Yên Châu: Chưa triển khai được do vướng mắc về thủ tục xin phép thi công, công trình thi công trong phạm vi di tích quốc gia.

- Dự án Trạm tăng áp Mai Sơn: Đang hoàn thiện thủ tục cấp đất dự án.

- Dự án cấp nước Vân Hồ: Tạm thời dừng đề xuất đầu tư.

- Dự án tuyến ống nước thô Bắc Yên: Các thủ tục dự án đã hoàn thành, chờ Huyện thi công xong sẽ tiếp tục tiến hành.

- Tuyến ống nước sạch Gia Phù: Tạm dừng đề xuất thực hiện dự án

b) Các công ty con, công ty liên kết

- Tên công ty: Công ty cổ phần VBIC Sơn La
- Trụ sở chính: Số 55 đường Tô Hiệu – Thành phố Sơn La – Tỉnh Sơn La
- Mã số DN: 5500522701
- Cơ cấu nhân sự:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Hồng	Chủ tịch HĐQT
2	Lương Thế Công	Thành viên HĐQT
3	Bùi Văn Đình	Thành viên HĐQT
4	Lương Thế Công	Tổng Giám đốc

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
Tổng giá trị tài sản	141.923.220.246	146.874.859.036
Doanh thu thuần	125.310.469.591	125.847.368.121
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	18.877.355.392	21.493.338.665
Lợi nhuận khác	11.503.020	446.176.021
Lợi nhuận trước thuế	18.888.858.412	21.939.514.686
Lợi nhuận sau thuế	16.879.628.422	19.679.842.063

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2.2	3.6
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1.8	2.7
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho			
Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	23	21.8
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	29	27.9
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	9.4	7.7
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0.88	0.86
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần.	%	13.4	15.6
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	15.3	17.1
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	15	17.1

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần

STT	Cổ phần	Số lượng cổ phần
1	Cổ phần đang lưu hành	9.999.859
2	Cổ phần chuyển nhượng tự do	9.999.859
3	Cổ phần hạn chế chuyển nhượng	141
4	Tổng số cổ phần	10.000.000

b. Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông lớn	8.566.821	85.67
2	Cổ đông nhỏ	1.433.179	14.33
3	Cổ đông trong nước	9.923.700	99.24
4	Cổ đông nhà nước	1.999.998	20
5	Cổ đông tổ chức khác	6.566.823	65.67
6	Cổ đông cá nhân	1.433.179	14.33

Tên cổ đông lớn	Số CMND/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La		Đồi Khau Cà, thành phố Sơn La, Tỉnh Sơn La	1.999.998	20
Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh nước sạch Việt Nam	0106517006 đăng ký lần đầu ngày 22/04/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp	Số 18 Lý Thường Kiệt, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội.	6.566.823	65.67

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn điều lệ tại thời điểm đăng ký thành lập doanh nghiệp là: 43.300.000.000 đồng

Công ty đã tăng vốn 6 lần, cụ thể:

Lần 1: Tăng vốn điều lệ lên 54.871.714.873 đồng:

Quyết định số 2738/QĐ-UBND ngày 09/11/2006 của UBND tỉnh Sơn La.

Lần 2: Tăng vốn điều lệ lên 56.238.907.757 đồng:

Quyết định số 1747/QĐ-UBND ngày 17/7/2008 của UBND tỉnh Sơn La.

Lần 3: Tăng vốn điều lệ lên 58.096.300.000 đồng

Quyết định số 1611/QĐ-UBND ngày 01/8/2012 của UBND tỉnh Sơn La.

Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500154649 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 18/4/2005, cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 10/8/2012

Lần 4: Tăng vốn điều lệ lên 60.596.300.000 đồng:

Quyết định số 2171/QĐ-UBND ngày 27/9/2013 của UBND tỉnh Sơn La.

Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2015/NQ-ĐHCD ngày 06/02/2015;

Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500154649 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 18/4/2005, cấp thay đổi lần thứ 4 ngày 25/4/2015

Lần 5: Tăng vốn điều lệ lên 62.096.300.000 đồng:

Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/3/2017; Tờ trình số 64/2017/TTr-HDQT ngày 07/3/2017 của Hội đồng quản trị về việc phát

hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty (ESOP);
Nghị quyết Hội đồng quản trị số 184/2017/NQ-HĐQT ngày 05/7/2017 về việc thông qua phương án triển khai thực hiện, quy chế và danh sách phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2017;

Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty số 200/2017/BC ngày 25/7/2017 của CTCP Cấp nước Sơn La (đính kèm Danh sách CBCNV đã đóng ti(đính kèm heo chương trình lựa);

Văn bản số 5185/UBCK-QLCB ngày 26/7/2017 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về việc báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động;

Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500154649 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 18/4/2005, cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 09/8/2017.

Lần 6: Tăng vốn điều lệ lên 100.000.000.000 đồng

Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2020 số 02/BB-ĐHĐCĐ và số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/09/2020; Tờ trình số 421/TTr-HDQT ngày 01/09/2020 của Hội đồng quản trị về phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

Nghị quyết HĐQT số 64/NQ-HĐQT ngày 21/09/2020 về việc triển khai và thông qua hồ sơ phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu số 503/2020/NSL ngày 01/12/2020.

Văn bản số 7209/UBCK-QLCB ngày 08/12/2020 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về việc báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu;

Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500154649 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 18/4/2005, cấp thay đổi lần thứ 7 ngày 07/01/2021.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e. Các chứng khoán khác:

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

a. Tiêu thụ năng lượng

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp: Điện năng tiêu thụ năm 2021: 3.723.439 Kw

b. Tiêu thụ nước

Nguồn cung cấp nước:

TT	TÊN NGUỒN	ĐỊA CHỈ
1.	Trạm Nà Coóng	Phường Chiềng Cơi
2.	Trạm Bó Cá	Phường Chiềng An
3.	Trạm km4	Phường Chiềng Cơi
4.	Trạm Km7	Phường Chiềng Sinh
5.	Trạm Km 8	Phường Chiềng Sinh
6.	Trạm Viện 6	Phường Chiềng Sinh

7.	Trạm Su Phạm	Phường Chiềng Sinh
8.	Trạm Chiềng Sinh	Phường Chiềng Sinh
9.	Trạm Km 10	Phường Chiềng Sinh
10.	Trạm Km 12	Phường Chiềng Sinh
11.	Trạm Km 13	Xã Chiềng Mung, huyện Mai Sơn
12.	Trạm Chính Mai Sơn	Thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn
13.	Trạm Nà Sắn	Xã Chiềng Mung, huyện Mai Sơn
14.	Trạm 19/5	TK 19/5 xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn
15.	Trạm Bình Minh	TK Bình Minh xã Cò Nòi, Mai Sơn
16.	Trạm Cò Nòi	TK 1 xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn
17.	Trạm Suối Sập	Xã Sập Vạt, huyện Yên Châu
18.	Trạm Bất Đông	Xã Sập Vạt, huyện Yên Châu
19.	Trạm Bưu Điện	Thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu
20.	Trạm UB	TK2 thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu
21.	Trạm Phiêng Ban	Thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên
22.	Điểm thu nước Suối Bẹ	Thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên
23.	Trạm CN NVH Tiểu khu 4	TK4 thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên
24.	Trạm Suối Ngọt	Xã Huy Bắc, huyện Phù Yên
25.	Trạm Nà Xá	Xã Quang Huy, huyện Phù Yên
26.	Trạm Sông Mã	Thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã
27.	Trạm Sốp Cộp	Xã Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp
28.	Trạm Quỳnh Nhai	Xã Mường Giàng, huyện Quỳnh Nhai
29.	Trạm Bệnh Viện	Thị trấn Ít Ong, huyện Mường La
30.	Trạm Sân Bay	Thị trấn Ít Ong, huyện Mường La
31.	Trạm Nà Lốc	Thị trấn Ít Ong, huyện Mường La
32.	Trạm Chiềng Ly	Xã Chiềng Ly, huyện Thuận Châu
33.	Trạm Chiềng Pắc	Xã Chiềng Pắc, huyện Thuận Châu
34.	Trạm Nậm La	Bản Kham, Xã Hua La, TP Sơn La
Tổng		

Sản lượng nước phát ra năm 2022: 12.322.984 m³

Sản lượng nước thương phẩm 2022: 10.832.511 m³

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2022 là một năm mà điều kiện sản xuất của Công ty gặp một số khó khăn và thuận lợi sau:

- Trong bối cảnh đại dịch Covid -19 vẫn đang hoành hành khắp nơi trên thế giới cũng như trong nước những tháng đầu năm, các ngành kinh tế đều chịu ảnh hưởng và ngành cấp nước cũng không phải ngoại lệ.
- Nhu cầu dùng nước của một số khách hàng lớn là các trường chuyên nghiệp đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh giảm nhiều do lượng sinh viên rất ít.
- Nhu cầu dùng nước trong hoạt động xây dựng cũng giảm nhiều so với trước đây. Do hầu hết các công trình xây dựng đã chuyển sang dùng bê tông trộn sẵn.
- Khách hàng dùng 2 nguồn nước đã ảnh hưởng nhiều đến sản lượng cấp nước. Sang năm 2022 lượng khách hàng khoan giếng đã giảm. Tuy nhiên lượng khách hàng này đang càng xu hướng dùng ngày càng ít đi.

Mặc dù cũng còn nhiều khó khăn nhưng bằng sự nỗ lực chung của Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc cùng toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty, năm 2022 là năm sản lượng đạt mức cao kỷ lục từ trước đến nay. Một số đơn vị tuy chưa đạt kế hoạch nhưng tập thể cán bộ công nhân viên luôn phấn đấu, đề cao ý thức công việc, hướng đến năm 2023 quyết tâm đạt các kế hoạch được giao. Một số giải pháp được đưa ra và áp dụng, cụ thể như sau:

- Xây dựng kế hoạch sản xuất cụ thể: Các đơn vị bảo vệ kế hoạch sản xuất kinh doanh ngay từ đầu năm, bảo vệ trước Ban điều hành và trình HĐQT, đại hội cổ đông phê duyệt sớm đưa vào thực hiện.

- Đôn đốc, giám sát từng đơn vị hàng tháng để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh được giao ngay từ đầu năm, tháo gỡ kịp thời khó khăn trong sản xuất, ưu tiên sản xuất ở mức cao nhất.

- Các phòng ban chủ động trong phần việc được phân công, hoàn thành tốt việc hỗ trợ đơn vị sản xuất thực hiện nhiệm vụ.

- Thực hiện chăm sóc thăm hỏi cuối năm với các khách hàng lớn. Xây dựng chính sách giữ chân khách hàng, quy trình chăm sóc khách hàng, khuyến khích khách hàng sử dụng nước, quan tâm thường xuyên đến khách hàng lớn, bảo trì bảo dưỡng định kỳ, đột xuất hệ thống cấp nước của khách hàng lớn.

- Tổng hợp, duy trì hệ thống thông tin tổng đài giải quyết các thắc mắc và hỗ trợ kịp thời kiến nghị của khách hàng.

- Quán triệt người lao động, xây dựng thói quen đối với tất cả người lao động “mọi hành động đều hướng tới khách hàng”. Tận tâm với khách hàng, ứng xử có văn hóa, cầu thị lắng nghe những góp ý, nhẹ nhàng giải thích, hướng dẫn tận tình.

- Đảm bảo chất lượng sản phẩm đến khách hàng, tuân thủ quy định về kiểm soát chất lượng sản phẩm.

- Đảm bảo áp lực nước, phấn đấu duy trì áp lực hệ thống cấp nước hoạt động liên tục

- Phát huy những ưu điểm những việc đã thực hiện tốt– Khắc phục những hạn chế năm 2022, phổ biến quán triệt tới từng người lao động để hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Đánh giá chung năm 2022, sản xuất vẫn tiếp tục phát triển theo hướng bền vững, tình hình tài chính ổn định lành mạnh. Nguồn vốn của Công ty được bảo toàn và phát triển. Công ty đã hoàn thành tốt nghĩa vụ với nhà nước, trả nợ các khoản vay đầy đủ; cải thiện đời sống vật chất và tinh thần, đảm bảo tiền lương thu nhập và các chế độ chính sách cho người lao động.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% Tăng/giảm 2022/2021	Ghi chú
1	Tổng tài sản	141.923.220.246	146.847.859.036	3,5	
	<i>Trong đó</i>				
+	Tài sản ngắn hạn	50.295.474.900	53.091.669.987	5,6	
+	Tài sản dài hạn	91.627.745.346	93.783.189.049	2,4	
2	Tổng nguồn vốn	141.923.220.246	146.847.859.036	3,5	
	<i>Trong đó</i>				
+	Nợ phải trả	32.294.534.093	32.066.126.370	(0,7)	
+	Vốn chủ sở hữu	109.628.686.153	114.808.732.666	4,7	

b) Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		Tăng/Giảm
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Nợ ngắn hạn	22.119.699.514	68.5	14.523.156.703	45.3	(34,3)
Nợ dài hạn	10.174.834.579	31.5	17.542.969.667	54.7	72,4
Tổng nợ phải trả	32.294.534.093	100	32.066.126.370	100	(0,7)

3. Kế hoạch sản xuất năm 2023

TT	Diễn giải	ĐVT	Thực hiện Năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Số TH năm 2022 (%)	Ghi chú
I	Sản lượng		-	-		
1	Nước thương phẩm	m3	10.832.511	11.055.000	102,1%	
2	Số lượng khách hàng	hộ	59.211	60.520	102,2%	
3	Số khách hàng phát triển mới (LĐN)		1.334	1.309		
4	Khách hàng DV bơi lội	vé	19.660	29.000		

TT	Diễn giải	ĐVT	Thực hiện Năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Số TH năm 2022 (%)	Ghi chú
5	Nước lọc tinh khiết	bình	107.319	105.000	97,8%	
II	Tỷ lệ thất thoát nước	%	12,10	11,50	95,0%	
III	Kết quả hoạt động kinh doanh	đồng	128.034.110.171	130.030.000.000	101,6%	
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	đồng	125.847.368.121	127.830.000.000	101,6%	
-	Cấp nước	"	120.553.444.176	123.030.000.000	102,1%	
-	Lắp đặt nhỏ	"	2.015.900.112	2.100.000.000	104,2%	
-	Dịch vụ bơi lội	"	411.772.727	500.000.000	121,4%	
-	Nước lọc SOWA	"	1.628.873.554	1.700.000.000	104,4%	
-	Xây dựng cơ bản	"	101.990.741		0,0%	
-	Kinh doanh vật tư	"	1.135.386.811	500.000.000	44,0%	
2	Giá vốn hàng bán	đồng	86.564.541.253	90.805.884.000	104,9%	
	Cấp nước		81.532.913.200	86.360.884.000		
	Lắp đặt nhỏ		2.003.086.216	2.000.000.000		
	Dịch vụ bơi lội		252.318.573	265.000.000		
	Nước lọc SOWA		1.606.139.484	1.680.000.000		
	Xây dựng cơ bản		90.000.000	-		
	Kinh doanh vật tư		1.080.083.780	500.000.000		
3	Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp DV	đồng	39.282.826.868	37.024.116.000	94,3%	
4	Doanh thu hoạt động Tài chính	đồng	1.740.564.848	1.700.000.000	97,7%	
5	Chi phí Tài chính	đồng	160.384.392	1.200.000.000	748,2%	
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	đồng	19.369.668.659	18.345.636.000	94,7%	
7	Quỹ lương trong chi phí	đồng	34.114.935.200	32.444.168.000	95,1%	
8	Kinh phí hỗ trợ	đồng	2.693.328.000	2.693.328.000	100,0%	
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	đồng	21.493.338.665	19.178.480.000	89,2%	

TT	Diễn giải	ĐVT	Thực hiện Năm 2022	Kế hoạch năm 2023	So TH năm 2022 (%)	Ghi chú
10	Thu nhập khác	đồng	446.177.202	500.000.000	112,1%	
11	Chi phí khác	đồng	1.181	400.000.000	338.696,02	
12	Lợi nhuận khác	đồng	446.176.021	100.000.000	22,4%	
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	đồng	21.939.514.686	19.278.480.000	87,9%	
	Cấp nước		19.650.862.317	18.323.480.000		
	Lắp đặt nhỏ		12.813.896	100.000.000		
	Dịch vụ bôi lợi		159.454.154	235.000.000		
	Nước lọc SOWA		22.734.070	20.000.000		
	Xây dựng cơ bản		11.990.741	-		
	Kinh doanh vật tư		55.303.031	-		
	Tài chính		1.580.180.456	500.000.000		
	Lợi nhuận khác		446.176.021	100.000.000		
14	Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	đồng	2.259.672.623	2.200.000.000	97,4%	
15	Lợi nhuận sau thuế TNDN	đồng	19.679.842.063	17.078.480.000	86,8%	
15,1	Lãi, lỗ năm trước chuyển sang	"	4.666.030.625	9.546.077.138	204,6%	
15,2	Lợi nhuận dùng để phân phối	"	24.345.872.688	26.624.557.138	109,4%	
IV	Phân chia lợi nhuận	đồng	24.345.872.688	26.624.557.138	109,4%	
1	Trích quỹ dự phòng	"	-	-		
2	Trích quỹ đầu tư PT	"		-		
3	Trích quỹ khen thưởng, PL	"	300.000.000	300.000.000	100,0%	
4	Tăng vốn chủ sở hữu	"				
5	Trả cổ tức	"	14.499.795.550	12.499.823.750	86,2%	
6	Tỷ lệ cổ tức trên vốn điều lệ	%	14,50	12,50	86,2%	> hơn
7	Lợi nhuận chuyển năm sau	"	9.546.077.138	13.824.733.388	144,8%	
V	Vốn điều lệ	đồng	100.000.000.000	100.000.000.000	100,0%	

TT	Diễn giải	ĐVT	Thực hiện Năm 2022	Kế hoạch năm 2023	So TH năm 2022 (%)	Ghi chú
	Cổ phiếu quỹ		1.410.000	1.410.000		

4. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

- Về môi trường.

Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường là một trong những vấn đề quan trọng và ưu tiên bậc nhất đối với bất cứ quốc gia nào trên thế giới. Mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường cũng được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm, thể hiện qua những chương trình, chính sách hướng tới phát triển nền kinh tế xanh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Chung tay góp phần bảo vệ môi trường xanh và phát triển Cộng đồng là một trong những nội dung ưu tiên trong sự phát triển lâu dài của Công ty cổ phần cấp nước Sơn La. Công ty tin rằng sự phát triển kinh tế phải đi liền với bảo vệ môi trường và Cộng đồng xã hội, có như vậy nền kinh tế mới có thể phát triển bền vững và lâu dài. Những năm qua, Lãnh đạo Công ty cùng toàn thể Cán bộ công nhân viên của Công ty cổ phần cấp nước Sơn La luôn xem công tác an toàn sức khỏe và bảo vệ môi trường là công việc cấp thiết, cần được ưu tiên hàng đầu bằng việc thực hiện các công tác như:

Trong công tác xây lắp, sửa chữa những năm qua Công ty đã thực hiện các chính sách về sử dụng tiết kiệm nguồn nguyên vật liệu cho mỗi công trình thông qua việc tăng cường kiểm tra chất lượng nguồn nguyên liệu đầu vào tránh sử dụng nguồn nguyên liệu đầu vào với phẩm cấp thấp. Bên cạnh đó, công tác thanh tra, kiểm tra giám sát về định mức sử dụng vật liệu cho mỗi công trình được tăng cường nhằm đảm bảo các công trình sử dụng đầu vào theo định mức kế hoạch đã đề ra từ ban đầu. Công tác giáo dục cho người lao động cũng được đẩy mạnh nhằm nâng cao ý thức về bảo vệ môi trường cho anh em công nhân.

Công ty còn thực hiện nhiều biện pháp khác để bảo vệ môi trường như: quản lý và xử lý nước thải, bùn thải, sử dụng hiệu quả và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên như điện, nước ... Ngoài ra, Công ty còn phát động các phong trào như Xanh – Sạch – Đẹp đối với các đơn vị, xí nghiệp trực thuộc tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững thân thiện với môi trường, tạo môi trường làm việc lành mạnh, hiệu quả.

- Về xã hội

+ Trách nhiệm với người lao động.

Năm 2022, công tác chăm lo cho đời sống người lao động luôn được Công ty tập trung chú trọng. Không chỉ thực hiện đầy đủ các thỏa ước trong hợp đồng lao động, Công ty còn nỗ lực tạo công ăn việc làm cho toàn thể cán bộ công nhân viên.

Ngoài ra, Ban giám đốc, Công đoàn công ty cũng thường xuyên thăm hỏi tìm hiểu hoàn cảnh khó khăn của từng cán bộ công nhân viên trong Công ty để đưa ra các biện pháp giúp đỡ kịp thời để mỗi người lao động có thể an tâm công tác tại Công ty. Công tác lương thưởng, Bảo hiểm xã hội, v.v... được Công ty thanh toán, đóng góp đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Công ty luôn chú trọng trang bị bảo hộ đầy đủ cho công nhân khi tham gia vào hoạt động sản xuất, tổ chức khám sức khỏe định kỳ hằng năm, tổ chức tham quan du lịch nhằm khuyến khích người lao động, nhằm nâng cao hiệu quả công việc, tăng năng suất lao động.

+ Trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã triển khai nhiều hoạt động thiết thực để thực hiện các trách nhiệm của Công ty đối với cộng đồng như các hoạt động từ thiện, ủng hộ gia đình gặp khó khăn, tổ chức quyên góp, ủng hộ các quỹ phòng chống dịch Covid, ủng hộ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sơn La.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá các mặt hoạt động của công ty

1.1. Những mặt làm được

Đánh giá chung trong năm SXKD hiệu quả, sáng lượng tăng, năng suất lao động tăng, tiết kiệm chi phí, đạt và vượt mức lợi nhuận và cổ tức như kế hoạch đề ra; Triển khai các dự án đầu tư mở rộng với quyết tâm cao, tiến độ thi công nhanh, sớm đưa các công trình vào sử dụng, quyết toán và hạch toán

1.2. Những mặt chưa làm được

Sản lượng tăng so với năm 2021, tuy nhiên chưa đạt kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

2.1. Về công tác điều hành

Ban Tổng Giám đốc điều hành thực hiện nghiêm chỉnh các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Hàng tháng báo cáo HĐQT tình hình SXKD thông qua giao ban, kịp thời đề xuất và xin ý kiến chỉ đạo của HĐQT về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT theo Điều lệ Công ty đề ra và phương hướng nhiệm vụ hàng tháng, quý.

Điều hành hoạt động của Công ty đúng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

2.2. Về sản xuất kinh doanh:

Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động SXKD một cách linh hoạt, tích cực kịp thời, đảm bảo đúng quy định.

2.3. Về chính sách đối với người lao động:

Ưu tiên chăm lo đời sống của người lao động, nhất là lực lượng lao động trực tiếp theo hướng gia tăng lợi ích.

Quyền lợi của người lao động của Công ty đều được đảm bảo theo đúng quy định của Bộ Luật lao động được Công ty ký HĐLĐ, kê khai nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp,... và đề nghị cơ quan bảo hiểm xã hội chi trả các chế độ cho người lao động kịp thời.

Chính sách đối với người lao động: Tuân thủ đúng các quy định của Nhà nước.

2.4. Về chấp hành pháp luật:

Chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật, thực hiện đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty

3. Một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2023

STT	Chỉ tiêu	DVT	Kế hoạch 2023
1	Sản lượng nước thương phẩm	M3	11.055.000
2	Tỷ lệ thất thoát	%	11.5 %
3	Số hộ khách hàng	Hộ	60.520

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2023
4	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Đồng	127.830.000.000
5	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	17.078.480.000
6	Thu nhập bình quân	Đồng	10.000.000
7	Chia cổ tức	%	12.5%

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị gồm 7 thành viên được bầu tại Đại hội đồng cổ đông tổ chức ngày 12/12/2020. HĐQT đã tiến hành họp để bầu và nghị quyết chức danh Chủ tịch HĐQT và các chức danh Ban Tổng giám đốc công ty.

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Trọng Hiếu	Chủ tịch HĐQT
2	Bùi Văn Đính	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Nguyễn Văn Bá	Thành viên
4	Lương Thế Công	Thành viên
5	Nguyễn Văn Hồng	Thành viên
6	Lê Văn Tuấn	Thành viên
7	Nguyễn Anh Việt	Thành viên

Năm 2022, HĐQT đã quản lý và điều hành công ty theo đúng các quy định của pháp luật, điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty và triển khai nghị quyết của ĐH đồng cổ đông. HĐQT đã tổ chức các cuộc họp theo định kỳ và đột xuất, hàng tháng HĐQT tham gia chỉ đạo họp giao ban để nghe Ban Tổng giám đốc và các đơn vị SX báo cáo và kiến nghị đề xuất các vấn đề liên quan hoạt động SXKD, kịp thời ra các quyết định phù hợp.

2. Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên.

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Lê Thị Nha Trang	Trưởng BKS
2	Bùi Hồng Nam	Thành viên
3	Lê Anh Vũ	Thành viên

- Ban kiểm soát gồm 3 thành viên: Trưởng ban (hoạt động chuyên trách) và 02 thành viên;
- Về phần vốn nhà nước còn lại tại doanh nghiệp, Sở Tài chính cử 01 cán bộ tham gia là thành viên Ban kiểm soát;

2.1. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Tài sản - Nguồn vốn

Tài sản - Nguồn vốn:

- Đầu năm 2022: 141.923.220.246 đồng;
- Cuối năm 2022: 146.874.859.036 đồng.

Vốn chủ sở hữu:

- Đầu năm 2022: 109.628.686.153 đồng;
- Cuối năm 2022: 114.808.732.666 đồng.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022

Sản lượng:

- Sản lượng năm 2022 đạt 10.832.511 m³, bằng 100,04% so với năm trước và bằng 97,63% so với kế hoạch;
- Khắc phục những khó khăn về hạn hán, thiếu nguồn và dịch bệnh, Công ty cũng đã có nhiều cố gắng phấn đấu để thực hiện kế hoạch đề ra;

Doanh thu:

- Doanh thu cấp nước: 120,5 tỷ đồng;
- Doanh thu khác: 7,5 tỷ đồng;
- Tổng doanh thu: 128 tỷ đồng;

Lợi nhuận sau thuế:

- Thuế Thu nhập DN: 2.259.672.623 đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 19.679 tỷ đồng, cao hơn năm trước (năm 2021: 16.879 tỷ đồng);
- Từ nguồn lợi nhuận sau thuế, doanh nghiệp có kế hoạch trả cổ tức cho các cổ đông là 14,5%, số còn lại dành cho đầu tư phát triển.

Tỷ lệ thất thoát nước:

- Những năm qua công tác chống thất thoát đã được Công ty làm tốt nên tỷ lệ thất thoát năm 2022 giữ ở mức 12,1%;
- Việc giảm được tỷ lệ thất thoát giúp tiết kiệm chi phí, tăng lợi nhuận; Doanh nghiệp là một trong những đơn vị ngành nước có tỷ lệ thất thoát nước thấp.

Hoạt động đầu tư:

Nguồn vốn tái đầu tư hình thành từ trích khấu hao TSCĐ dùng để trả nợ gốc tiền vay dự án ODA Pháp của thành phố và các dự án của Yên Châu, Mộc Châu, Sốp Cộp.

Ngoài ra năm 2022 Công ty tiếp tục đầu tư xây dựng nhiều tuyến ống và các công trình khác với tổng mức: 13.965 tỷ đồng. Ví dụ

- + Tuyến D400 từ Bản Mòng đến ngã ba Mé Ban là: 11,185 tỷ đồng
- + Tuyến D400,225 Đông Nam TP, Chiềng Ngần: 1.625 tỷ đồng

Tài chính kế toán:

- Công tác Tài chính kế toán cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu sản xuất kinh doanh, phản ánh đầy đủ chính xác kết quả hoạt động trong năm tài chính về doanh thu, chi phí sản xuất, chi phí đầu tư xây dựng cơ bản, các khoản phải nộp ngân sách nhà nước, các khoản phải thu, phải trả...của Công ty

Đánh giá chung tình hình tài chính:

- Năm qua, Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, lãnh đạo và điều hành doanh nghiệp đạt kết quả tốt, cơ bản hoàn thành các mục tiêu kế hoạch đề ra;
- Tình hình tài chính ổn định;
- Chấp hành tốt nghĩa vụ nộp thuế, phí với nhà nước;

- Sắp xếp, tinh giảm lao động để tăng tiền lương, thu nhập cho công nhân viên;
- Đảm bảo hài hòa giữa việc trả cổ tức cho cổ đông và dành nguồn vốn cho đầu tư phát triển;

Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp.

Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Thành viên Hội đồng quản trị:

- Đến cuối năm 2022, Hội đồng quản trị gồm 7 thành viên;

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

- Các cuộc họp của HĐQT: diễn ra theo đúng điều lệ Công ty mỗi quý một lần. Ngoài ra, HĐQT còn tổ chức nhiều cuộc họp khác để giải quyết các công việc phát sinh.

Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- HĐQT đã lãnh đạo, điều hành các hoạt động của Công ty đảm bảo tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, Nghị quyết đại hội đồng cổ đông. Giúp Công ty ổn định sản xuất và kinh doanh có hiệu quả.;

Hoạt động của Ban điều hành:

- Ban điều hành Công ty gồm có: Tổng giám đốc; hai (02) Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng. Ông Trần Quyết Chiến giữ chức vụ Tổng giám đốc, ông Phạm Ngọc Dũng và ông Nguyễn Văn Bá giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc, ông Bùi Thanh Tùng giữ chức vụ Kế toán trưởng;

Kết quả thực hiện của Ban điều hành trong năm 2022:

- Chấp hành và tổ chức thực hiện tốt các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Thực hiện đúng các quy định của pháp luật, điều lệ và quy chế nội bộ công ty;
- Làm tốt công tác chống thất thoát nước, giữ tỷ lệ ở mức 12.1%;
- Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, tiết kiệm chi phí vận hành, chi phí sửa chữa, các chi phí khác, sản xuất kinh doanh ổn định và hiệu quả;

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

- Trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát đã phối hợp với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, trong nhiệm kỳ không có các khiếu nại của các cổ đông;
- Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc, đảm bảo thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, tuân thủ pháp luật và quyền lợi của cổ đông.

Cuộc họp của ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị.

Tình hình hoạt động của Ban kiểm soát:

Thành viên Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát gồm 3 thành viên: Bà Lê Thị Nha Trang (Trưởng ban); ông Bùi Hồng Nam (thành viên); ông Lê Anh Vũ (thành viên);
- Về phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Sở Tài chính cử 01 cán bộ tham gia là thành viên Ban kiểm soát;

Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên triển khai kiểm soát các mặt hoạt động của Công ty với những nội dung sau:

a. Kiểm soát Tài chính:

- Giám sát Ban điều hành trong việc thực hiện công tác tài chính kế toán, kiểm tra giám sát các báo cáo tài chính quý, 6 tháng, năm đảm bảo tính chính xác, trung thực trong việc ghi chép, hạch toán, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán;
- Kiểm tra các hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động,...;
- Kiểm soát doanh thu, chi phí, việc sử dụng vốn đầu tư của các dự án;
- Thẩm định báo cáo tài chính trên cơ sở đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập;
- Giám sát việc công bố thông tin của Công ty theo quy định của pháp luật; xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để bảo vệ quyền lợi của các cổ đông;
- Kiểm tra tình hình sản xuất kinh doanh và tài chính một số đơn vị cơ sở.

b. Kiểm soát hoạt động:

- Kiểm soát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc;
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc;
- Đối với Hội đồng quản trị: Chủ tịch và các thành viên HĐQT là những người có trình độ học vấn, chuyên môn, am hiểu ngành nước và nhiều lĩnh vực. Đưa ra các quyết định đúng, kịp thời, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật.
- Đối với Ban điều hành: Ban Điều hành gồm 04 thành viên, trong đó có 01 thành viên thuộc Hội đồng quản trị; Tổng giám đốc và các thành viên Ban điều hành là những người có trình độ, am hiểu ngành nước và các lĩnh vực khác, tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị; Tham mưu với Hội đồng quản trị về việc rà soát, sửa đổi bổ sung các quy chế nội bộ phù hợp với điều kiện thực tế, thúc đẩy sản xuất; Thực hiện tốt công tác điều hành, sản xuất kinh doanh ổn định và hiệu quả.
- Ban kiểm soát tham gia ý kiến đóng góp vào những nội dung về SXKD, đầu tư, sửa chữa và một số công việc khác của Công ty;
- Đề xuất với Hội đồng quản trị về việc lựa chọn đơn vị Kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính giữa niên độ và báo cáo tài chính năm đạt kết quả;
- Ban kiểm soát hợp hàng quý theo quy chế;
- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, vì lý do cá nhân TB kiểm soát đã xin miễn nhiệm, các thành viên khác hoạt động kiêm nhiệm. Do đó việc thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát có phần hạn chế;
- Ban kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý trong Công ty, giúp cho Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao;
- Trong năm, Ban kiểm soát không nhận được một khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Công ty, về chỉ đạo điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

c. Kiểm soát tuân thủ:

- Theo từng lĩnh vực, Công ty đã ban hành các quy chế quản lý nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện thực tế tại doanh nghiệp;
- Hội đồng quản trị, Ban điều hành cùng toàn thể người lao động trong Công ty thực hiện tốt các quy chế nội bộ đã ban hành;
- Cơ chế quản lý nội bộ của Công ty khá hoàn chỉnh, giúp công tác quản lý sản xuất có nề nếp, minh bạch và hiệu quả;

- Đánh giá về hệ thống quy chế doanh nghiệp:

Đa số quy chế vẫn còn phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện thực tế và vẫn tiếp tục áp dụng, tuy nhiên một số quy chế cần phải sửa đổi bổ sung;

- Đề xuất: Kiến nghị Hội đồng quản trị tiếp tục rà soát lại các quy chế, quy định hiện hành của doanh nghiệp để sửa đổi, bổ sung kịp thời.

Kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ban kiểm soát:

Kiểm soát Tài chính:

- Đề xuất với Hội đồng quản trị việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm;

- Phối hợp với đơn vị kiểm toán độc lập, kiểm soát báo cáo tài chính hàng năm trình HĐQT và Đại hội đồng cổ đông;

- Hàng năm tổ chức kiểm tra các đơn vị trực thuộc về: Tình hình SXKD; Tài chính; Việc thực hiện các quy chế nội bộ...;

Kiểm soát hoạt động:

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành về thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

Kiểm soát tuân thủ:

- Giám sát việc sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định nội;

- Giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật và các quy chế nội bộ;

Kiến nghị của Ban kiểm soát:

Nhằm thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2023, Ban kiểm soát nêu một số kiến nghị sau:

- Xây dựng kế hoạch dài hạn, ngắn hạn về sản xuất kinh doanh, về đầu tư... và các giải pháp thực hiện;

- Nâng cao công tác quản trị và điều hành để phát huy năng lực của đội ngũ cán bộ từ văn phòng tới các đơn vị trực thuộc. Phần đầu hoàn thành và vượt các chỉ tiêu kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông giao, đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa cho Công ty và các cổ đông;

- Các dự án đầu tư: Phân tích hiệu quả đầu tư, thu hồi vốn; Tập trung nguồn lực để triển khai dự án có hiệu quả;

- Phối hợp với các tổ chức đoàn thể, tạo sự đồng thuận trong việc thực hiện các quy chế nội bộ, quy chế dân chủ ở cơ sở; chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động;

- Tiếp tục thực hiện tốt chương trình chống thất thoát, duy trì và nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước;

Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát.

Thù lao của Ban kiểm soát:

Thực hiện năm 2022:

- Đại hội đồng cổ đông phê duyệt: 279.996.000 đồng;

- Tổng thù lao thực chi: 259.996.000 đồng;

Kế hoạch năm 2023: 279.996.000 đồng.

Chi phí khác:

Không phát sinh.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát đến ngày 31/12/2022

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao
1	Nguyễn Văn Hồng	Chủ tịch HĐQT	180.000.000
2	Bùi Văn Đính	Phó chủ tịch HĐQT	165.600.000
3	Lương Thế Công	Thành viên HĐQT	165.600.000
4	Nguyễn Văn Bá	Thành viên HĐQT	165.600.000
5	Nguyễn Trọng Hiếu	Thành viên HĐQT	120.000.000
6	Nguyễn Anh Việt	Thành viên HĐQT	120.000.000
7	Lê Văn Tuấn	Thành viên HĐQT	120.000.000
8	Nguyễn Tiến Hán	Thư ký HĐQT	72.000.000
9	Bùi Hồng Nam	Th/viên Ban kiểm soát	72.000.000
10	Lê Thị Nha Trang	Trưởng Ban kiểm soát	102.000.000
11	Lê Anh Vũ	Th/viên Ban kiểm soát	60.000.000
	Cộng		1.342.800.000

Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Lương Phương Thảo	Con ruột TVHĐQT Lương Thế Công	53.585	0,53	73.885	0,73	Mua cổ phiếu

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Stt	Tên tổ chức	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp	Người có liên quan	Vị trí của người có liên quan tại Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Thời điểm giao dịch	Ghi chú
-----	-------------	--------------------------------	--------------------	---	----------------------	---------------------	---------

1	CTCP VBIC Sơn La	5500522701 23/07/2015 Sở Kế hoạch & ĐT tỉnh Sơn La	Ông Nguyễn Văn Hồng, Chủ tịch HDQT; ông Lương Thế Công, Giám đốc	Chủ tịch HDQT, thành viên HDQT	Số 55 Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La	Từ năm 2018	Công ty VBIC Sơn La bán nước qua đồng hồ tổng cho NSL
2	Công ty cổ phần MILLS Việt Nam	0106432793 13/01/2014 Sở Kế hoạch & Đầu tư Hà Nội	Ông Nguyễn Văn Hồng, Giám đốc	Chủ tịch HDQT	Số 20, Ngõ 4 Phố Phương Mai, Phường Phương Mai, Quận Đống đá, Hà Nội	Từ năm 2017	Công ty cổ phần MILLS Việt Nam bán keo tụ PAC xử lý nước cho NSL
3	Công ty CP HAWACO		Ông Nguyễn Trọng Hiếu	Tổng giám đốc		Từ năm 2005	Mua đồng hồ nước
4	Công ty CP cơ điện HAWACO		Ông Nguyễn Trọng Hiếu	Thành viên HDQT			Mua máy móc thiết bị SX nước sạch
5	Công ty cổ phần DNP Hawaco		Ông Nguyễn Trọng Hiếu	Chủ tịch HDQT	Tầng 18, Tòa nhà Ngọc Khánh Plaza, Số 1 Phạm Huy Thông, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội	Từ năm 2019	Mua đồng hồ nước
6	Công ty cổ phần nước và môi trường Việt Nam		Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên HDQT	Số 5 Đường Thành, Phường Cửa Đông, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội	Từ năm 2022	Tư vấn lập hồ sơ dự gói thầu cung cấp vật tư thiết bị và thi công xây dựng

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến của kiểm toán viên

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần cấp nước Sơn La tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán, phê duyệt ngày 24/02/2023 được đăng tải trên trang web của công ty và được công bố thông tin ngày 27/02/2023.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC
SƠN LA
TP. SƠN LA, T. SƠN LA



Trần Quyết Chiên